

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2017

V/v: Ly hôn giữa anh Q với chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Anh Dũng;
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Dương Đức Thăng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXX - ST ngày 20/6/2017 giữa:

* Nguyên đơn: anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 9, ngách 22/30 phố Phú Viên, tổ 2, phường B, quận L, thành phố H. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Đặng Văn N- Luật sư, văn phòng Luật sư Đình Văn N thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: anh Trần Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/4/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Trần Ngọc Q trình bày:

Anh kết hôn với anh Trần Thị H, ngày 05 tháng 3 năm 2004, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận L, thành phố H. Sau khi kết hôn anh và chị H về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con

chung tên là: Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2005. Hiện chị H đang nuôi con. Nay vợ chồng ly hôn ý kiến của anh là để chị H nuôi con và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/ 01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2017 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trần Thị H trình bày:

Chị nhất trí với trình bày của anh Q về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q cờ bạc, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ, tháng 9/2004, anh Q đã đánh đuổi chị. Do đó, chị phải về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng không liên lạc và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Q có đơn xin ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được một con chung là: Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2005. Hiện chị đang nuôi con. Nay vợ chồng ly hôn ý kiến của chị là nhận nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng)/ tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Thị H có mặt và bổ sung ý kiến: Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ khi con sinh ra cho đến khi con đủ 18 tuổi, với mức là 500.000 đồng/ tháng và phương thức cấp dưỡng là một lần.

Với tư cách người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, Luật sư Đặng Văn N có ý kiến, đơn đề nghị ly hôn của anh Q là có căn cứ và đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Q.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đinh Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc Q được ly hôn với anh Trần Thị H.

Con chung: giao cho chị H nuôi con, anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 8/2017 đến khi con trưởng thành.

Án phí sơ thẩm: Do anh Q thuộc diện hộ nghèo và người tàn tật nên anh Q không phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: anh Trần Ngọc Q, Luật sư Đinh Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất và anh Q, ông Nguyễn có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án

2. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc Q và anh Trần Thị H kết hôn ngày 05/3/2004, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận L. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống với anh Q ngay. Tình cảm vợ chồng buổi đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Cuối năm 2004, chị H phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã L, sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2004 cho đến nay. Nay anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn với chị H. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì chính quyền địa phương cũng như gia đình chị H đều xác định vợ chồng anh Q, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, cuộc sống chung của anh Q, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Q do vậy cần xử cho anh Q được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: vợ chồng anh Q, chị H có một con chung là Trần Thị H, sinh ngày 25/01/2005 chị H nuôi con từ khi sinh cho đến nay. Ý kiến của anh Q là để chị H nuôi con, chị H cũng có nguyện vọng được nuôi con. HĐXX xét thấy, cháu H đã được chị H cũng như gia đình chị H nuôi dưỡng từ khi sinh cho đến nay và cháu H phát triển tốt. Mặt khác, chị H đang làm phụ hồ, có thu nhập ổn định. Cháu Hương đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị H nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con kể từ khi con sinh ra đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, yêu cầu của chị H là không có căn cứ chấp nhận vì kể từ khi chị H sinh con cho đến phiên tòa hôm nay, thì quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Q vẫn tồn tại và trách nhiệm của bố mẹ đối với việc nuôi dưỡng con là như nhau. Mặt khác, theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án chỉ giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về với mức cấp dưỡng chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng với mức 500.000 đồng/01 tháng, anh Q cũng nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con mà chị H đưa ra. HĐXX xét thấy, cần công nhận sự thỏa thuận trên. Về phương thức cấp dưỡng, do các bên không thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng, nên theo điểm c mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, thì phương thức cấp dưỡng được xác định theo định kỳ hàng tháng. Sau khi ly hôn, anh Q có quyền thăm nom con.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh Q, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh Q thuộc diện hộ nghèo và là người tàn tật, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, thì anh Q được miễn án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xứ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Ngọc Q được ly hôn với anh Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Thị H nuôi con Trần Thị H, sinh ngày 05/01/2005. Anh Trần Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Q có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án nếu anh Q không nộp đủ số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm nộp, cho đến khi nộp xong.

3. Án phí: Anh Trần Ngọc Q không phải chi án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy

